

Bản án số: 06/2019/DS-PT

Ngày: 12 - 4 - 2019

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất lâm nghiệp*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Dum

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLPT - DS ngày 22/01/2019 về việc kiện tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT, ngày 21/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bàn Tiến D**, sinh năm 1961. Địa chỉ: phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Mạnh Th**, sinh năm 1985. Địa chỉ: phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Bùi Thị U**, sinh năm 1962. Địa chỉ: phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Mạnh Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng VKSND tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Bàn Tiến D trình bày:

Ông D được UBND thành phố HB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) đối với thửa đất lâm nghiệp số 865, tờ bản đồ số 01 có diện tích 34.940,0 m² khu vực..., phường T, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình, cấp ngày 28/6/2012.

Nguồn gốc thửa đất trên do bố của ông D là ông Bàn Tiến Q khai phá từ những năm 1980 canh tác, trồng trọt, sau đó để lại cho ông D sử dụng, thực tế gia đình trồng nương và sả trên đất.

Năm 2008, Nhà nước có chủ trương đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, ông D có làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất và kê khai đầy đủ nộp cho chính quyền, năm 2012 được cấp GCNQSD đất. Năm 2017, anh Bùi Mạnh Th tự ý đến chặt phá 50 gốc nương, lấn chiếm khoảng 4750m² đất lâm nghiệp tại thửa đất trên của gia đình, ông D có làm đơn gửi chính quyền địa phương về việc anh Th lấn chiếm đất và yêu cầu anh Th bồi thường thiệt hại tài sản trên đất, UBND phường T, thành phố HB đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành do vậy ông D khởi kiện yêu cầu anh Th trả lại phần diện tích đất đã sử dụng trái phép (theo đo đạc thực tế là 3.347,3m²).

Bị đơn anh Bùi Mạnh Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U trình bày:

Anh Th và bà U không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D với lý do nguồn gốc diện tích đất lâm nghiệp ông D đang kiện là do bố mẹ anh Th khai phá sử dụng từ năm 1989, gia đình vẫn sử dụng đến những năm 2007, 2008 bố mẹ anh Th có cho bà Dương Thị Th (là mẹ vợ ông D) mượn đất để trồng trọt và có thỏa thuận miệng khi nào không sử dụng thì trả lại đất. Năm 2016 bà Th chết nên gia đình lấy lại đất, đến năm 2017- 2018 gia đình trồng xả, keo và xoan.

Anh Th không có giấy tờ tài liệu, chứng cứ nào xuất trình cho Tòa án nhưng khẳng định đất này là thuộc gia đình, không biết vì sao chính quyền địa phương lại cấp GCNQSD đất cho gia đình ông D mà gia đình anh Th không biết. Đề nghị Tòa án xác minh làm rõ hồ sơ địa chính cấp đất cho ông D, anh Th trình bày vào khoảng năm 2007 xã BP, huyện CP có chủ trương cho cán bộ đến đo đạc diện tích đất trồng rừng cho dân thì ông Bùi Xuân L là bố của anh Th có được đưa cán bộ đi chỉ mốc giới để đo đạc và làm hồ sơ giấy tờ cấp GCNQSD đất nộp cho UBND xã BP, huyện CP. Hiện ông Bùi Xuân L đã chết.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 163, 164 166, 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 48 Luật đất đai năm 2003; Điều 4, 5 và 17 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Tiến D đối với anh Bùi Mạnh Th về tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp;

Xử: Buộc anh Bùi Mạnh Th phải trả lại cho ông Bàn Tiến D diện tích đất lâm nghiệp đang canh tác là 3.347,3 m² tại thửa đất 865, tờ bản đồ số 01 tại khu vực ..., phường T, thành phố HB, tỉnh Hoà Bình được thể hiện tại trích đo thửa đất ngày 22/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hòa Bình (kèm theo bản án). Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh Th phải có trách nhiệm dỡ bỏ toàn bộ số cây sả, keo và xoan trồng trên phần đất lấn chiếm trả lại nguyên hiện trạng đất cho gia đình ông Bàn Tiến D.

2. Về án phí: Anh Th phải nộp 2.008.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bàn Tiến D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 762.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003426 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018, bị đơn anh Bùi Mạnh Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U kháng cáo bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải nộp án phí, hủy GCNQSD đất đối với thửa đất số 865 tờ bản đồ số 01 tại....., phường T, TP HB, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 12/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình có văn bản số 331 kháng nghị bản án vì có vi phạm: Không tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đang tranh chấp; chưa xác minh nội dung có hay không việc bị đơn khai được kê khai cấp đất tại xã BP; buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng; nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về kháng cáo, kháng nghị đều trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

Về nội dung kháng nghị: Tại phiên tòa, rút một phần nội dung đã kháng nghị, cụ thể: Sau khi thụ lý phúc thẩm vụ án, cấp phúc thẩm đã thu thập

thêm tài liệu, chứng cứ làm rõ một số nội dung như xác định tài sản, giá trị tài sản trên đất, xác minh làm rõ nội dung có hay không việc bị đơn khai được kê khai cấp đất tại xã Bắc Phong để có căn cứ xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên, đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn và người liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì các ý kiến mà người kháng cáo đưa ra không có căn cứ pháp lý được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình kháng nghị là hợp lệ, được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1 Gia đình ông Bàn Tiến D được UBND thành phố Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất lâm nghiệp số 865, tờ bản đồ số 01 có diện tích 34.940m² khu vực..., phường T, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Nguồn gốc thửa đất trên là do gia đình ông D khai phá từ những năm 1980, đã liên tục sử dụng trồng bương, luồng và sả trên đất, đến năm 2008, Nhà nước có chủ trương đo đạc đất để cấp GCNQSD đất cho các hộ dân, ông D đã làm các thủ tục theo quy định và đến ngày 28/6/ 2012 thì được cấp GCNQSD đất. Hồ sơ cấp đất cho ông Bàn Tiến D được thể hiện:

- Đơn xin giao đất và cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp (năm 2008)
- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (ngày thực hiện 17/5/2008) có nội dung phần diện tích đất là 34.940m² tại..., phường T, thành phố HB với thành phần ông Đinh Văn X chủ tịch phường, ông Nguyễn Văn Th cán bộ địa chính phường, ông Nguyễn Viết C cán bộ đo đạc phường T và các hộ liên kề là các ông Lý Tiến Ch, ông Đinh Văn L, bà Lý Thị L, ông Bàn Tiến H, ông Lý Tiến V.
- Quyết định về việc cấp Giấy CNQSDĐ số 1419 /QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của UBND thành phố Hòa Bình đã Quyết định duyệt cấp GCNQSD đất trong đó có ông Bàn Tiến D .

Tài liệu, chứng cứ trên khẳng định trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông Bàn Tiến D là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

2.2 Trong giai đoạn sơ thẩm cũng như trong nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án bà U cho rằng đó là phần đất của gia đình mình nhưng chưa được cấp GCNQSD đất. Căn cứ vào tài liệu đã giao nộp cho thấy:

Biên bản xác minh ngày 19/3/2019 tại UBND xã BP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình thể hiện trong hồ sơ sổ sách của UBND xã BP lưu giữ không có việc ông Bùi Xuân L là bố của anh Th đưa cán bộ đi chỉ mốc giới để đo đạc và làm hồ sơ cấp GCNQSD đất, không có giấy tờ nộp cho UBND xã BP, huyện CP vào những năm 2007, 2008 như anh Th và bà U đã trình bày, thửa đất đã cấp cho ông Bàn Tiến D thuộc địa phận phường T, thành phố HB không thể hiện liên quan gì trên bản đồ 672 xã BP quản lý.

Mặt khác, anh Th đưa các giấy tờ về khai thác lâm sản của ông L do UBND xã BP xác nhận vào năm 2014 để cho rằng có việc khai thác lâm sản trên đất của gia đình, tài liệu này không có căn cứ chứng minh vì mâu thuẫn với chính lời khai của bị đơn là vào năm 2007 gia đình đã cho bà Th mượn đất để trồng trọt và đến năm 2016 mới trả lại đất thì tại sao năm 2014 lại có việc khai thác lâm sản trên đất mà mình không còn sử dụng.

2.3. Về tài sản là cây cối, hoa màu trên đất đang tranh chấp, nội dung này tại biên bản làm việc ngày 12/3/2019 ông D và anh Th đều thừa nhận số tài sản trên đất là của anh Th và bà U bao gồm cây xả (trồng theo vụ khoảng 10.000.000 đồng/vụ), 01 cây xoan trị giá 300.000 đồng; 02 cây keo trị giá 500.000 đồng/cây; vài cây rừng khác.

2.4. Do vậy, bản án dân sự sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất mà bị đơn anh Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà U đang sử dụng trái phép là có căn cứ pháp luật, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án.

[3] Xét nội dung kháng nghị:

3.1 Những nội dung VKS đã kháng nghị: Xác định giá trị đối với tài sản là cây cối hoa màu trên đất đang tranh chấp, xác minh tại UBND xã BP về xác định nguồn gốc đất. Đã được cấp phúc thẩm khắc phục và KSV tại phiên tòa rút kháng nghị về nội dung này, do vậy HĐXX không đề cập xem xét:

3.2 Những nội dung VKS còn kháng nghị:

- Trong nội dung khởi kiện ông D đề nghị anh Th trả lại phần diện tích đất sử dụng và yêu cầu bồi thường đối với cây cối, hoa màu bị anh Th chặt phá là 30.500.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông D đã rút yêu cầu về khoản bồi thường, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, cấp sơ thẩm có nhận định nhưng không quyết định trong bản án là thiếu sót.

Căn cứ vào Nghị quyết số 05/2012/NQ HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định “Trường hợp đương sự rút một phần yêu cầu trước và tại phiên tòa thì Tòa án ghi vào phần nhận định

và quyết định trong bản án”, do vậy HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình, thiếu sót này được khắc phục trong bản án phúc thẩm.

- Ông D khởi kiện ông Th yêu cầu trả đất, ông cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông D. Như vậy, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất của ai. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì tranh chấp nêu trên không có giá ngạch (án phí là 300.000 đồng). Tòa cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp có giá ngạch để buộc anh Bùi Mạnh Th phải nộp 2.008.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình về nội dung này và sửa chữa trong bản án phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tuy có vi phạm một số nội dung nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các bên tham gia tố tụng và đã được cấp phúc thẩm khắc phục để sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Hòa Bình.

[5] Về án phí: Do sửa một phần bản án cho nên người kháng cáo là anh Bùi Mạnh Th; bà Bùi Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Mạnh Th; bà Bùi Thị U. Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”, cụ thể:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 163, 164 166, 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 48 Luật đất đai năm 2003; Điều 4, 5 và 17 Luật Đất đai năm 2013; và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Bàn Tiến D về yêu cầu anh Bùi Mạnh Th bồi thường đối với tài sản trên đất là 30.500.000 đồng.

Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Bàn Tiến D đối với:

Buộc anh Bùi Mạnh Th phải trả lại diện tích đất là 3.347,3m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố HB, tỉnh Hòa Bình cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1098 ngày 28 tháng 6 năm 2012, tại thửa đất số 865, tờ bản đồ 01 tại, phường T, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình cho ông Bàn Tiến

D; được thể hiện tại trích đo thửa đất ngày 22/10/2018 của văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hòa Bình.

Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Bùi Mạnh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị U phải có trách nhiệm thu hoạch số cây xả (trồng theo vụ khoảng 10.000.000 đồng/vụ), di dời 01 cây xoan trị giá 300.000 đồng; 02 cây keo trị giá 500.000 đồng/cây, vài cây rừng khác trên phần đất lấn chiếm để trả lại diện tích đất cho ông Bàn Tiến D.

"Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự "

3.Về án phí: Anh Bùi Mạnh Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003426 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Anh Bùi Mạnh Th; bà Bùi Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Bùi Mạnh Th 300.000 đồng theo biên lai thu số 00005470 bà Bùi Thị U 300.000 đồng theo biên lai thu số 00005471 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND thành phố Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình
- Chi cục THADS thành phố Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn

